

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023**

Thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023, UBND thành phố báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023 như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

##### **1. Tình hình thực hiện thu ngân sách 9 tháng năm 2023**

- Năm 2023, chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn theo dự toán HĐND tỉnh giao là 523 tỷ đồng, HĐND thành phố phân đấu là 721 tỷ đồng; trong đó giao thu tiền sử dụng đất là 320 tỷ đồng; giao thu từ thuế phí 385,9 tỷ đồng, thu khác ngân sách 14,3 tỷ đồng, thu tại phường 0,8 tỷ đồng.

- Để thực hiện hoàn thành dự toán được giao, ngày 22/12/2022, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2686/QĐ-UBND về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương cho các đơn vị, ban ngành, đoàn thể trực thuộc năm 2023; triển khai dự toán thu ngân sách đến từng cơ quan, đơn vị; ban hành Công văn chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; tổ chức họp Ban chỉ đạo thu ngân sách thành phố để triển khai nhiệm vụ; giao dự toán thu ngân sách đối với các doanh nghiệp trên địa bàn được phân cấp quản lý thu; ban hành kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 19/9/2023 thực hiện 244,050 tỷ đồng, đạt 46,66% dự toán tỉnh giao, đạt 33,85% dự toán của thành phố, trong đó:

##### **1.1. Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí**

Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí thực hiện 201,705 tỷ đồng, đạt 53,22% dự toán tỉnh giao và 52,27 % dự toán của thành phố giao.

+ Thuế công thương nghiệp thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước thực hiện 4,385 tỷ đồng đạt 78,3% dự toán tỉnh, đạt 219,23% dự toán thành phố giao.

+ Thu thuế công thương nghiệp từ khu vực ngoài quốc doanh thực hiện 111,759 tỷ đồng, đạt 62,09% dự toán tỉnh giao và 54,56% dự toán của thành phố giao.

+ Thuế thu nhập cá nhân thực hiện 21,755 tỷ đồng, đạt 33,47% dự toán tỉnh giao và đạt 49,94% dự toán thành phố giao

+ Thu tiền cho thuê đất thực hiện 6,726 tỷ đồng đạt 32,81% dự toán của tỉnh, đạt 33,63% dự toán thành phố.

+ Thu lệ phí trước bạ thực hiện 36,645 tỷ đồng, đạt 40,72% dự toán tỉnh giao và đạt 39,01% dự toán thành phố giao.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện 7,305 tỷ đồng đạt 132,81% dự toán tỉnh giao, đạt 78,54% dự toán thành phố giao.

+ Thu phí, lệ phí thực hiện 8,118 tỷ đồng, đạt 78,05% dự toán của tỉnh, đạt 88,24 thành phố giao.

+ Thu cổ tức của doanh nghiệp nhà nước (khoản thu này ngân sách tỉnh hưởng 100%) 3,3 tỷ, vượt 65% dự toán tỉnh giao, vượt 7,49% dự toán thành phố giao.

### 1.2. Thu tiền sử dụng đất

Nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất, tăng nguồn thu ngân sách, tạo nguồn vốn đầu tư phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch thu đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023, ngày 29/12/2022 UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 2630/KH-UBND về thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023. Thành phố đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đợt 1 (phiên công bố đấu giá ngày 27/5/2023). Kết quả đấu giá thành 4/47 lô với số tiền 6,089 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất đến ngày 19/9/2023 thực hiện 34,097 tỷ đồng/320 tỷ đồng đạt 10,66% dự toán HĐND thành phố giao, trong đó:

+ Thu đấu giá quyền sử dụng đất đạt 6,089 tỷ đồng, đạt 4,61% dự toán tỉnh giao, đạt 2,03% dự toán của thành phố.

+ Thu chuyển mục đích, cấp đất mới thực hiện 28,007 tỷ đồng, đạt 140,04% dự toán thành phố.

1.3. Thu khác ngân sách thực hiện 8,898 tỷ đồng, đạt 86,39% dự toán tỉnh và thành phố giao.

1.4. Các khoản thu tại phường: 77,947 triệu đồng, đạt 15,59% dự toán tỉnh giao, đạt 9,74% dự toán thành phố giao

*(Chi tiết tình hình thực hiện các khoản chi tại phụ lục 1)*

## 2. Về chi ngân sách

Trên cơ sở dự toán HĐND thành phố thông qua, UBND thành phố đã điều hành chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, nguồn thu từ đấu giá đất đạt thấp ảnh hưởng đến công tác điều hành kế hoạch đầu tư công của thành phố năm 2023. Trước mắt thành phố ưu tiên bố trí vốn để thanh toán cho các công trình có khối lượng hoàn thành.

2.1. Chi đầu tư phát triển thực hiện 81,2 tỷ đồng, đạt 26,42% dự toán thành phố

2.2. Chi thường xuyên thực hiện 258,737 tỷ đồng, đạt 72,44% dự toán, trong đó chi tại thành phố: 223,475 tỷ đồng; chi ngân sách phường: 35,262 tỷ đồng.

2.3. Chi dự phòng ngân sách ước thực hiện 3,398 tỷ đồng/10,373 tỷ đồng, đạt 32,75% dự toán, UBND thành phố trình và được Thường trực HĐND thành phố thống nhất trước khi thực hiện

*(Chi tiết tình hình thực hiện các khoản chi tại phụ lục 2)*

### **3. Một số khó khăn, hạn chế**

#### **3.1. Thu ngân sách**

- Năm 2023, Quốc hội, Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân khôi phục sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế làm tác động lớn đến thu NSNN năm 2023 như giảm 2% thuế GTGT áp dụng từ ngày 01/7/2023 theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ; gia hạn thời gian nộp thuế GTGT, TNDN, TNCN và tiền thuê đất trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP

- Tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn có những khó khăn nhất định, nhất là dịch vụ ăn uống, karaoke; nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh thiếu ổn định, diện hộ nghỉ, bỏ, thay đổi địa điểm kinh doanh lớn gây khó khăn cho công tác quản lý thuế.

- Đầu năm 2023, Cục thuế tỉnh đã điều chuyển một số doanh nghiệp có số nộp ngân sách lớn, có số thu ổn định từ Chi cục Thuế khu vực Đông Hà – Cam Lộ lên Cục thuế quản lý thu cũng đã làm giảm nguồn thu của thành phố.

- Thị trường bất động sản trầm lắng, dự kiến tình hình thu tiền sử dụng đất của thành phố sẽ rất khó khăn, và theo đó tình hình thu tiền thuế TNCN, lệ phí trước bạ dự kiến không đạt dự toán giao.

#### **3.2. Chi ngân sách**

- Thị trường bất động sản từ thời điểm tháng 6/2022 đến nay gặp nhiều khó khăn, gây ảnh hưởng lớn đến nguồn thu chính để thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025, nếu tình trạng nêu trên còn kéo dài sẽ rất khó khăn cho việc bố trí nguồn vốn để thực hiện (nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố).

- Dự toán chi thường xuyên năm 2023 của thành phố được giữ nguyên kinh phí thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. Tuy nhiên, nhu cầu để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ngày càng tăng, đặc biệt là nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường giai đoạn 2022-2025 vẫn tiếp tục được giữ nguyên bằng thời kỳ 2017-2021, trong khi đó các

tuyến đường, vỉa hè của thành phố được xây dựng đưa vào sử dụng ngày càng tăng, hệ thống cây xanh, vườn hoa mini được bàn giao cho thành phố duy trì, chăm sóc ngày càng nhiều, cùng với đó là mức lương cơ sở, mức lương tối thiểu vùng tăng. Vì vậy với mức kinh phí được giao ổn định việc duy trì công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh trên địa bàn thành phố hết sức khó khăn, mặc dù thành phố đã sử dụng các phương án để cắt giảm thời gian quét, cắt giảm một số tuyến đường và lựa chọn phương án chăm sóc cây xanh với mức chi phí thấp nhất có thể nhưng với khối lượng nhiệm vụ được giao hiện tại vẫn vượt quá khả năng cân đối ngân sách của thành phố. Phòng Tài chính – Kế hoạch đã tham mưu UBND thành phố có Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 28/8/2023 về việc đề nghị cấp bổ sung kinh phí hoạt động công ích và kiến thiết thị chính thị chính đô thị năm 2023. Tuy nhiên đến nay Sở Tài chính vẫn chưa cân đối được nguồn để tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ cho thành phố

- Một số nhiệm vụ phát sinh do yêu cầu cấp bách của thành phố và theo chỉ đạo của cấp trên khá nhiều, phải sử dụng nguồn dự phòng để xử lý, ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán được giao

## **II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP 3 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

Dự báo bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng cuối năm 2023 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức; thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi. Để phấn đấu hoàn thành dự toán HĐND thành phố giao, UBND thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện động bộ các nhóm nhiệm vụ giải pháp đã đề ra từ đầu năm, có các biện pháp để khắc phục khó khăn, trong đó tập trung một số nội dung sau:

### **1. Công tác điều hành thu ngân sách**

- Tăng cường công tác kiểm tra thuế nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm trong công tác kê khai, nộp thuế. Đồng thời qua đó để bù đắp các khoản thu thiếu hụt; nâng cao ý thức của người nộp thuế trong công tác thu nộp ngân sách.

- Tích cực đôn đốc thu nợ thuế, cương quyết sử dụng các biện pháp cưỡng chế để thu hồi thuế nợ đọng vào NSNN đúng quy định. Thực hiện tốt công tác quản lý thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu NSNN năm 2023. Phối hợp với các cơ quan thông tin trên địa bàn để đăng tin, bài phản ánh các trường hợp chây ì, dây dưa nợ thuế kéo dài.

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, ban ngành trên địa bàn trong công tác quản lý thuế. Đặc biệt là các khoản thu thuế mới cần có sự hỗ trợ, vận động của chính quyền cơ sở.

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền để phổ biến các chính sách thuế mới đến NNT, người dân trên địa bàn. Tích cực biểu dương, đề nghị các cấp tuyên dương, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác thu nộp ngân sách.

- Kịp thời triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế,

tích cực hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp khai thuế, nộp thuế và sử dụng hóa đơn điện tử, tạo môi trường thuận lợi, rõ ràng minh bạch cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

- Thực hiện nghiêm túc, đẩy mạnh cải cách công tác thủ tục hành chính thuế theo cơ chế một cửa một cách có hiệu quả, nhằm nâng cao công tác quản lý thuế, rút ngắn thời gian giao dịch để tiết kiệm thời gian, chi phí cho người nộp thuế.

- Trong 3 tháng cuối năm thành phố tiếp tục triển khai thực hiện đấu giá; tổ chức thực hiện công tác đấu giá thường xuyên hàng tháng, đốc thúc các đơn vị được giao chủ đầu tư, quản lý dự án đẩy nhanh thi công hoàn thành các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo điều kiện phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất.

- Ngoài ra, nhằm hoàn thành kế hoạch thu tiền sử dụng đất, thành phố sẽ đẩy nhanh công tác giao đất tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp bị ảnh hưởng khi giải phóng mặt bằng.

## **2. Công tác điều hành chi ngân sách**

### **2.1. Về chi đầu tư phát triển**

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo giải ngân 100% nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2023 theo các Chỉ thị, Công văn chỉ đạo của UBND tỉnh về đẩy nhanh tiến độ và thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2023.

- Nâng cao trách nhiệm đối với các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, có các biện pháp xử lý nghiêm đối với các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án giải ngân không đảm bảo kế hoạch. Tổ chức giao ban đầu tư công; thực hiện giải ngân nguồn vốn đảm bảo theo các mốc thời gian quy định 30/9 và 30/11; chủ động đề xuất các phương án để điều chuyển nguồn vốn đầu tư công hợp lý; đảm bảo đến thời điểm 31/12/2023 giải ngân 100% nguồn vốn theo kế hoạch.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB các dự án (đặc biệt là các dự án được bố trí từ nguồn vốn tỉnh và ngân sách trung ương); các dự án trọng điểm của thành phố có kế hoạch vốn lớn

### **2.2. Chi thường xuyên**

- Điều hành chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Công văn số 54/UBND-TCKH ngày 10/01/2023 UBND thành phố về việc tăng cường quản lý, điều hành ngân sách năm 2023, trong đó tập trung chấn chỉnh tình trạng chậm trễ trong việc sử dụng nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư, mua sắm tài sản. Tăng cường công tác kiểm soát chi từ khâu dự toán đến kiểm soát quá trình cấp phát, giai đoạn sau khi chi (như thông qua kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán).

- Thực hiện nghiêm quy định về điều hành quản lý tài chính ngân sách nhà nước tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ về Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2023.

- Trước tình hình thu ngân sách gặp nhiều khó khăn, dự kiến hụt thu ngân sách nên thành phố sẽ không bổ sung dự toán chi ngân sách trừ các trường hợp cấp bách

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 9 tháng đầu năm nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023, UBND thành phố báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- BTV Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các phường;
- CVP, PCVP, CVVP;
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Sỹ Trung**

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

ĐVT: 1000 đồng

| TT         | NỘI DUNG  | Dự toán<br>Tỉnh giao<br>2023 | DT TP<br>2023      | Thực hiện đến<br>19/9/2023 | NS TW,<br>tỉnh    | NS địa phương      | Tỷ lệ % TH/DT<br>đến 15/8 |               |
|------------|---|------------------------------|--------------------|----------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|---------------|
|            |   |                              |                    |                            |                   |                    | Tỉnh                      | TP            |
|            | <b>Tổng thu ngân sách địa phương</b>                              | <b>534.828.000</b>           | <b>732.828.000</b> | <b>537.992.455</b>         | <b>13.796.262</b> | <b>524.196.193</b> | <b>100,59</b>             | <b>73,41</b>  |
|            | - Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng                            | 512.128.000                  | 700.728.000        | 524.196.193                | 0                 | 524.196.193        | 102,36                    | 74,81         |
| <b>A</b>   | <b>Tổng thu ngân sách trên địa bàn</b>                            | <b>523.000.000</b>           | <b>721.000.000</b> | <b>244.050.500</b>         | <b>13.796.262</b> | <b>230.254.238</b> | <b>46,66</b>              | <b>33,85</b>  |
|            | - Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng                            | 500.300.000                  | 688.900.000        | 230.254.238                |                   | 230.254.238        | 46,02                     | 33,42         |
| <b>I</b>   | <b>Thu từ thuế, phí</b>   | <b>379.000.000</b>           | <b>385.900.000</b> | <b>201.704.757</b>         | <b>8.043.283</b>  | <b>193.661.474</b> | <b>53,22</b>              | <b>52,27</b>  |
| 1          | Thu từ khu vực DNNN   | 5.600.000                    | 2.000.000          | 4.384.675                  | 1.669.038         | 2.715.637          | 78,30                     | 219,23        |
| 2          | Thu từ khu vực ngoài quốc doanh                                   | 180.000.000                  | 204.830.000        | 111.759.184                | 0                 | 111.759.184        | 62,09                     | 54,56         |
|            | - Thuế GTGT   |                              |                    | 92.413.362                 |                   | 92.413.362         |                           |               |
|            | - Thuế TNDN   |                              |                    | 15.489.138                 |                   | 15.489.138         |                           |               |
|            | - Thuế TTDB   |                              |                    | 270.884                    |                   | 270.884            |                           |               |
|            | - Thuế Tài nguyên   |                              |                    | 3.585.792                  |                   | 3.585.792          |                           |               |
|            | - Thuế Bảo vệ Môi trường  |                              |                    | 8                          |                   | 8                  |                           |               |
| 3          | Thuế thu nhập cá nhân   | 65.000.000                   | 43.560.000         | 21.755.325                 | 3.665             | 21.751.660         | 33,47                     | 49,94         |
| 4          | Thu tiền cho thuê đất   | 20.500.000                   | 20.000.000         | 6.726.334                  | 14.186            | 6.712.148          | 32,81                     | 33,63         |
| 5          | Lệ phí trước bạ   | 90.000.000                   | 93.940.000         | 36.645.392                 |                   | 36.645.392         | 40,72                     | 39,01         |
| 6          | Thuế SDD phi nông nghiệp  | 5.500.000                    | 9.300.000          | 7.304.509                  |                   | 7.304.509          | 132,81                    | 78,54         |
| 7          | Thuế sử dụng đất nông nghiệp                                      |                              |                    | 0                          |                   |                    |                           |               |
| 8          | Thu phí, lệ phí:  | 10.400.000                   | 9.200.000          | 8.117.653                  | 2.157.588         | 5.960.065          | 78,05                     | 88,24         |
| 8.1        | Lệ phí môn bài  |                              |                    | 0                          |                   |                    |                           |               |
| 8.2        | Phí, lệ phí   |                              |                    | 0                          |                   |                    |                           |               |
|            | - NS Tỉnh hưởng, TW   | 2.000.000                    | 2.000.000          | 0                          | 0                 |                    | 0,00                      | 0,00          |
| 9          | Thu cổ tức của các doanh nghiệp Nhà nước                          | 2.000.000                    | 3.070.000          | 3.300.095                  | 3.300.095         |                    | 165,00                    | 107,49        |
| 10         | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản                           |                              |                    | 1.711.590                  | 898.711           | 812.879            |                           |               |
| <b>II</b>  | <b>Thu tiền sử dụng đất</b>                                       | <b>132.000.000</b>           | <b>320.000.000</b> | <b>34.096.798</b>          | <b>1.704.840</b>  | <b>32.391.958</b>  | <b>25,83</b>              | <b>10,66</b>  |
| 1          | Thu đấu giá QSD đất   | 132.000.000                  | 300.000.000        | 6.089.671                  | 304.484           | 5.785.187          | 4,61                      | 2,03          |
|            | - Ngân sách tỉnh hưởng  | 6.600.000                    | 15.000.000         | 304.484                    | 304.484           |                    | 4,61                      | 2,03          |
| 2          | Thu chuyên mục đích, cấp đất mới                                  |                              | 20.000.000         | 28.007.127                 | 1.400.356         | 26.606.771         |                           | 140,04        |
|            | - Ngân sách tỉnh hưởng  |                              | 1.000.000          | 1.400.356                  | 1.400.356         |                    |                           | 140,04        |
| <b>III</b> | <b>Thu khác ngân sách</b>   | <b>11.500.000</b>            | <b>14.300.000</b>  | <b>8.170.998</b>           | <b>4.048.139</b>  | <b>4.122.859</b>   | <b>71,05</b>              | <b>57,14</b>  |
|            | - NS Tỉnh hưởng, TW   | 6.500.000                    | 9.030.000          |                            |                   |                    | 0,00                      | 0,00          |
| +          | Thu tiền phạt   |                              |                    | 4.781.657                  | 3.841.957         | 939.700            |                           |               |
| +          | Thu tịch thu  |                              |                    | 2.084.159                  | 197.727           | 1.886.432          |                           |               |
| +          | Thu hồi các khoản chi năm trước                                   |                              |                    | 187.582                    | 4.070             | 183.512            |                           |               |
| +          | Thu cho thuê, bán tài sản khác                                    |                              |                    | 277.107                    |                   | 277.107            |                           |               |
| +          | Các khoản huy động đóng góp                                       |                              |                    | 263.000                    |                   | 263.000            |                           |               |
| +          | Thu khác còn lại  |                              |                    | 577.493                    | 4.385             | 573.108            |                           |               |
| <b>IV</b>  | <b>Các khoản thu tại phường</b>                                   | <b>500.000</b>               | <b>800.000</b>     | <b>77.947</b>              |                   | <b>77.947</b>      | <b>15,59</b>              | <b>9,74</b>   |
| <b>B</b>   | <b>Thu bổ sung ngân sách tỉnh</b>                                 | <b>11.828.000</b>            | <b>11.828.000</b>  | <b>17.941.000</b>          |                   | <b>17.941.000</b>  | <b>151,68</b>             | <b>151,68</b> |
| 1          | Bổ sung cân đối   | 0                            | 0                  | 0                          |                   |                    |                           |               |
| 2          | Bổ sung có mục tiêu   | 11.828.000                   | 11.828.000         | 17.941.000                 |                   | 17.941.000         | 151,68                    | 151,68        |
|            | - Bổ sung có mục tiêu thực hiện CCTL                              |                              |                    | 0                          |                   |                    |                           |               |
|            | - Bổ sung có mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ                      | 11.828.000                   | 11.828.000         | 17.941.000                 |                   | 17.941.000         | 151,68                    |               |
|            | Bổ sung thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trong năm            |                              |                    |                            |                   |                    |                           |               |
| <b>C</b>   | <b>Nguồn tự đảm bảo cải cách tiền lương năm trước chuyển sang</b> | <b>0</b>                     | <b>0</b>           | <b>0</b>                   |                   |                    |                           |               |
| <b>D</b>   | <b>Thu Kết dư</b>   |                              |                    | <b>0</b>                   |                   |                    |                           |               |
| <b>E</b>   | <b>Thu chuyển nguồn</b>   |                              |                    | <b>276.000.955</b>         |                   | <b>276.000.955</b> |                           |               |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

ĐVT: Ngàn đồng

| TT        | Nội dung chi  | Dự toán<br>tính giao | Dự toán HĐND Thành phố 2023 |                    |                   | Thực hiện đến 19/9/2023 |                    |                   | % TH/DT      |              |              |
|-----------|---|----------------------|-----------------------------|--------------------|-------------------|-------------------------|--------------------|-------------------|--------------|--------------|--------------|
|           |   |                      | Tổng số                     | Thành phố          | Phường            | Tổng số                 | Thành phố          | Phường            | Tổng số      | T.phố        | Phường       |
|           | <b>Tổng chi ngân sách địa phương</b>                                      | <b>512.128.000</b>   | <b>700.728.000</b>          | <b>647.704.400</b> | <b>53.023.600</b> | <b>339.937.650</b>      | <b>302.675.178</b> | <b>37.262.472</b> | <b>48,51</b> | <b>46,73</b> | <b>70,28</b> |
| <b>A</b>  | <b>Chi trong cân đối:</b>   | <b>500.300.000</b>   | <b>700.728.000</b>          | <b>647.704.400</b> | <b>53.023.600</b> | <b>339.937.650</b>      | <b>302.675.178</b> | <b>37.262.472</b> | <b>48,51</b> | <b>46,73</b> | <b>70,28</b> |
| <b>I</b>  | <b>Chi đầu tư phát triển</b>  | <b>132.790.000</b>   | <b>307.390.000</b>          | <b>301.154.000</b> | <b>6.236.000</b>  | <b>81.200.000</b>       | <b>79.200.000</b>  | <b>2.000.000</b>  | <b>26,42</b> | <b>26,30</b> | <b>32,07</b> |
| 1         | Chi đầu tư XD/CB từ nguồn quỹ đất   | 125.400.000          | 300.000.000                 | 300.000.000        |                   | 79.200.000              | 79.200.000         |                   | 26,40        | 26,40        |              |
| 2         | Chi XD/CB tập trung   | 7.390.000            | 7.390.000                   | 1.154.000          | 6.236.000         | 2.000.000               |                    | 2.000.000         | 27,06        |              | 32,07        |
| 3         | Chi đầu tư XD/CB từ nguồn chuyên nhiệm vụ                                 |                      |                             |                    |                   | 0                       |                    |                   |              |              |              |
| 4         | Chi đầu tư XD/CB từ nguồn kết dư  |                      |                             |                    |                   | 0                       |                    |                   |              |              |              |
| <b>II</b> | <b>Chi thường xuyên</b>   | <b>357.504.000</b>   | <b>357.324.500</b>          | <b>311.579.300</b> | <b>45.745.200</b> | <b>258.737.650</b>      | <b>223.475.178</b> | <b>35.262.472</b> | <b>72,41</b> | <b>71,72</b> | <b>77,08</b> |
| 1         | Chi cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai... từ nguồn thu tiền sử dụng đất |                      | 4.180.000                   | 4.000.000          | 180.000           |                         |                    |                   |              |              |              |
| 2         | Chi sự nghiệp kinh tế   |                      | 34.575.400                  | 34.110.100         | 465.300           | 24.724.789              | 23.603.488         | 1.121.301         | 71,51        | 69,20        | 240,98       |
| 3         | Chi sự nghiệp Môi trường  |                      | 29.429.000                  | 29.249.000         | 180.000           | 16.756.980              | 16.746.980         | 10.000            | 56,94        | 57,26        |              |
| 4         | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin   |                      | 3.483.500                   | 2.896.300          | 587.200           | 3.025.613               | 2.438.505          | 587.108           | 86,86        | 84,19        | 99,98        |
| 5         | Chi sự nghiệp thể thao  |                      | 245.700                     |                    | 245.700           | 150.622                 |                    | 150.622           | 61,30        |              | 61,30        |
| 6         | Chi đảm bảo xã hội  |                      | 22.909.700                  | 21.080.000         | 1.829.700         | 19.413.893              | 18.151.352         | 1.262.541         | 84,74        | 86,11        | 69,00        |
| 7         | Chi giáo dục - Đào tạo  |                      | 179.040.100                 | 178.500.100        | 540.000           | 125.981.152             | 125.828.304        | 152.848           | 70,36        | 70,49        | 28,31        |
| 7.1       | Chi sự nghiệp giáo dục  |                      | 177.470.700                 | 176.930.700        | 540.000           |                         |                    |                   |              |              | 0,00         |
| 7.2       | Chi đào tạo   |                      | 1.569.400                   | 1.569.400          |                   | 0                       |                    |                   |              |              |              |
| 8         | Chi sự nghiệp Y tế, dân số  |                      | 1.310.800                   | 1.300.000          | 10.800            | 951.915                 | 933.671            | 18.244            | 72,62        | 71,82        | 168,93       |
| 9         | Chi quản lý hành chính  |                      | 67.549.160                  | 33.194.200         | 34.354.960        | 55.126.094              | 29.424.506         | 25.701.588        | 81,61        | 88,64        | 74,81        |
| 10        | Chi quốc phòng  |                      | 6.737.630                   | 2.800.000          | 3.937.630         | 7.111.849               | 3.624.108          | 3.487.741         | 105,55       | 129,43       | 88,57        |
| 11        | Chi an ninh   |                      | 4.437.320                   | 1.250.000          | 3.187.320         | 3.984.087               | 1.213.608          | 2.770.479         | 89,79        | 97,09        | 86,92        |



|      |                                      |            |            |            |           |           |           |       |       |      |
|------|--------------------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|-----------|-------|-------|------|
| 12   | Chi khác ngân sách                   |            | 3.426.190  | 3.199.600  | 226.590   | 1.510.656 | 1.510.656 | 44,09 | 47,21 | 0,00 |
| III  | Chi dự phòng                         | 10.006.000 | 10.373.500 | 9.331.100  | 1.042.400 | 0         | 0         | 0,00  | 0,00  | 0,00 |
| IV   | Chi từ nguồn cải cách tiền lương     |            | 13.812.000 | 13.812.000 |           |           |           |       | 0     |      |
| V    | Chi nộp trả ngân sách tỉnh           |            | 0          |            |           | 0         | 0         |       |       |      |
| VI   | Chi các nhiệm vụ cần thiết phát sinh |            | 0          |            |           |           |           |       |       |      |
| VII  | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu     | 11.828.000 | 11.828.000 | 11.828.000 |           | 0         | 0         |       |       |      |
| VIII | Chi từ nguồn tỉnh bổ sung trong năm  |            | 0          |            |           | 0         | 0         |       |       |      |
| IX   | Chi từ nguồn kết dư                  |            |            |            |           | 0         | 0         |       |       |      |
| X    | Chi từ nguồn chuyển nhiệm vụ         |            |            |            |           | 0         | 0         |       |       |      |